TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/KDTM-ST
Ngày 22 - 12 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng
Các *Hội thẩm nhân dân*:
Ông Đặng Ngọc Thương
Ông Đặng Song Hoàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hương – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 66/2016/TLST-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-KDTM ngày 19-5-2017, Thông báo mở lại phiên tòa số 73/2017/TB-MPT ngày 05-12-2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A
Địa chỉ: đường M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc D, cư trú tại: đường M, phường N, quận O, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 10 năm 2016, có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; cư trú tại: đường I, phường K, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP A đã cho bà Nguyễn Thị H vay tổng số tiền 4.500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0673/2014/HDTDHM-CN/051 ngày 22/10/2014 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số

0159/15/HDTDHM-CN/051 ngày 11/02/2015, lãi suất vay: theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất.

Thực hiện các hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho bà H số tiền 4.500.000.000 đồng theo 13 kế ước nhận nợ, chi tiết như sau:

Đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số 0673/2014/HDTDHM – CN/051 ngày 22/10/2014: Khế ước nhận nợ 0673/2014/HDTDHM–CN/KUNN-01 ngày 24/10/2014, số tiền giải ngân 650.000.000 đồng, lãi suất 8.8%/năm; Khế ước nhận nợ 0673/2014/HDTDHM–CN/KUNN-02 ngày 27/10/2014, số tiền giải ngân 95.000.000 đồng, lãi suất 11.5%/năm; Khế ước nhận nợ 0673/2014/HDTDHM–CN/KUNN-03 ngày 30/10/2014, số tiền giải ngân 320.000.000 đồng, lãi suất 8.8%/năm; Khế ước nhận nợ 0673/2014/HDTDHM–CN/KUNN-04 ngày 14/11/2014, số tiền giải ngân 100.000.000 đồng, lãi suất 8.8%/năm; Khế ước nhận nợ 0673/2014/HDTDHM–CN/KUNN-05 ngày 28/11/2014, số tiền giải ngân 200.000.000 đồng, lãi suất 8.8%/năm; Khế ước nhận nợ 0673/2014/HDTDHM–CN/KUNN-06 ngày 12/12/2014, số tiền giải ngân 150.000.000 đồng, lãi suất 8.8%/năm; Khế ước nhận nợ 0673/2014/HDTDHM–CN/KUNN-07 ngày 15/12/2014, số tiền giải ngân 120.000.000 đồng, lãi suất 8.8%/năm; Khế ước nhận nợ 0673/2014/HDTDHM–CN/KUNN-08 ngày 27/12/2014, số tiền giải ngân 95.000.000 đồng, lãi suất 8.8%/năm; Khế ước nhận nợ 0673/2014/HDTDHM–CN/KUNN-09 ngày 07/01/2015, số tiền giải ngân 70.000.000 đồng, lãi suất 11.0%/năm;

Đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số 0159/15/HDTDHM – CN/051 ngày 11/02/2015: Khế ước nhận nợ 0159/2015/HDTDHM–CN/KUNN-01 ngày 12/02/2015, số tiền giải ngân 500.000.000 đồng, lãi suất 11.2%/năm; Khế ước nhận nợ 0159/2015/HDTDHM–CN/KUNN-02 ngày 27/02/2015, số tiền giải ngân 200.000.000 đồng, lãi suất 11.5%/năm; Khế ước nhận nợ 0159/2015/HDTDHM–CN/KUNN-03 ngày 17/3/2015, số tiền giải ngân 1.500.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm; Khế ước nhận nợ 0159/2015/HDTDHM–CN/KUNN-04 ngày 09/4/2015, số tiền giải ngân 500.000.000 đồng, lãi suất 6.8%/năm;

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại đường I, phường K, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201041213 do UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 10/4/2001 cho bà Nguyễn Thị H. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0034/2014/HDTC ngày 04/3/2014 được công chứng tại Phòng Công chứng số 3, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 04/3/2014. Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tài sản của bà Nguyễn Thị H tại Văn phòng ĐKQSDĐ thành phố V ngày 10/3/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Do bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết nên ngân hàng khởi kiện để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Tính đến ngày 30-9-2016, tổng số tiền mà bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng là: 5.278.048.213 đồng; trong đó: Nợ gốc 4.500.000.000 đồng; Lãi trong hạn

165.707.337 đồng; Lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 612.340.876 đồng;

Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP A với tổng số tiền là 5.278048.213 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP A cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị cho Ngân hàng yêu cầu thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị H đối với Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà H phải trả số tiền phạt chậm trả lãi. Nguyên đơn yêu cầu cụ thể như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP A với tổng số tiền là 6.414.270.622 đồng; trong đó: Nợ gốc 4.500.000.000 đồng; Lãi trong hạn 165.707.338 đồng; Lãi quá hạn 1.748.563.283 đồng (lãi vay tính đến ngày 22-12-2017).

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP A kể từ ngày 23-12-2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị cho Ngân hàng yêu cầu thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị H đối với Ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến, cho rằng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Về nội dung, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là hợp pháp, quá trình thực hiện hợp đồng bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP A và bà Nguyễn Thị H ký kết hợp đồng tín dụng, có mục đích lợi nhuận. Quá trình thực hiện hai bên xảy ra tranh chấp. Xét thấy bà H có địa chỉ cư trú tại Tp. Vũng Tàu, nay có tranh chấp về hợp đồng trên nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Vũng Tàu theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng TMCP A và bà Nguyễn Thị H ký kết các hợp đồng tín dụng hạn mức số 0673/2014/HDTDHM-CN/051 ngày 22/10/2014 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0159/15/HDTDHM-CN/051 ngày 11/02/2015 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 09/4/2015 theo đó Ngân hàng A đồng ý cấp tín dụng cho bà H số tiền 4.500.000.000 đồng, thời hạn vay, lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất. Việc giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên hợp đồng hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng A đã giải ngân cho bà H tổng số tiền 4.500.000.000 đồng theo 13 khế ước nhận nợ nêu trên. Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà H không trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng A theo thỏa thuận.

Xét thấy tại mục 1 của các khế ước nhận nợ hai bên thoả thuận số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất; phương thức trả nợ gốc: cuối kỳ, trả nợ lãi: 01 tháng/lần. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình nên đã vi phạm hợp đồng, khế ước nhận nợ. Do đó, bà H phải có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi trong hạn và phải chịu mức lãi suất quá hạn như hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã thỏa thuận là phù hợp.

Vì vậy, ngân hàng A yêu cầu trả số tiền gốc 4.500.000.000đ là có cơ sở nên chấp nhận;

Đối với số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Tiền lãi vay trong hạn: Ngân hàng đề nghị tính đến ngày 22-12-2017 theo lãi suất quy định trong hợp đồng, khế ước nhận nợ với số tiền 165.707.338 đồng là có cơ sở theo thỏa thuận hợp đồng nên chấp nhận;

- Tiền lãi quá hạn: Ngân hàng đề nghị tính đến ngày 22/12/2017 theo lãi suất quy định trong hợp đồng, khế ước nhận nợ bằng 150% lãi suất trong hạn với số tiền 1.748.563.283 đồng là có cơ sở theo thỏa thuận hợp đồng nên chấp nhận;

- Đối với tiền lãi phạt chậm trả lãi: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà H phải thanh toán tiền lãi phạt chậm trả lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu này. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Từ những phân tích đã nêu trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với bà H; buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là 6.414.270.622 đồng; trong đó: nợ gốc 4.500.000.000 đồng; lãi trong hạn 165.707.338 đồng; lãi quá hạn 1.748.563.283 đồng (lãi vay tính đến ngày 22-12-2017).

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại đường I, phường K, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201041213 do UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 10/4/2001 cho bà Nguyễn Thị H. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04-3-2014 giữa bà H và ngân hành A được công chứng chứng thực, tài sản thế chấp được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Tp. Vũng Tàu. Do đó việc thế chấp quyền sử dụng đất trên là hợp pháp, có giá trị thực hiện. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng theo quy định tại các điều 342, 343, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về án phí:

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà H phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả số tiền 6.414.270.622 đồng, là: 114.414.271 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 342, 343, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 6.414.270.622 đồng (sáu tỷ bốn trăm mười bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn sáu trăm hai mươi hai đồng); trong đó: nợ gốc 4.500.000.000 đồng; lãi trong hạn 165.707.338 đồng; lãi quá hạn 1.748.563.283 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính tiền lãi phạt do chậm trả lãi của Ngân hàng TMCP A đối với bà Nguyễn Thị H.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại đường I, phường K, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201041213 do UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 10/4/2001 cho bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ .

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 114.414.271 đồng (một trăm mười bốn triệu bốn trăm mười bốn ngàn hai trăm bảy mốt đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiến tạm ứng án phí 58.312.000 đồng (năm mười tám triệu ba trăm mười hai ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000986 ngày 10/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Dũng